

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 12

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Sông Nhuê, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 03 – 04/12/2023

Ngày cung cấp TT: 05/12/2023

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Cổng Liên Mạc	Cổng Liên Mạc 1 và 2 mở 1 cánh.
2	3	Đập Hà Đông	Đập mở.
3	6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đập mở thông.
4	8	Đập Nhật Tựu	Đập mở.
5	9	Cổng Lương Cổ	Cổng mở.
6	13	Đập Thanh Liệt	Đập mở.
7	14	Kênh Xuân La	Cổng mở.
8	15	Kênh Phú Đô	Cổng mở.
9	16	Kênh tiêu Trung Văn	Cổng mở hé.
10	21	Kênh Yên Xá	Cổng mở.
11	23	Kênh Hòa Bình	Cổng đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 23 vị trí.

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi.

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng.

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ, công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nội, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp):

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Phủ Lý – cầu Phù Vân; Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà- Thường Tín; Kênh Hòa Bình.**

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: **Các vị trí đạt giới hạn trên. Đập Nhật Tựu; Cống Lương Cổ.**

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên. Cống Liên Mạc; Sông Đám; Kênh Duy Tiên.**

Không đạt mức D: Cầu Diên; Đập Hà Đông; Cầu Tó; Cầu Xém; Đập Đồng Quan (Thượng lưu); Cầu Thần; Sông Cầu Ngà; Đập Thanh Liệt; Kênh Xuân La; Kênh Phú Đô; Kênh tiêu Trung Văn; Cầu Am; Kênh La Khê; Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu; Kênh Yên Xá.

Tận dụng mực nước trên sông cao, tăng cường khả năng lấy nước vào hệ thống qua cống Liên Mạc và cống Tắc Giang thay nước tù trong hệ thống.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2023 - A</i>				6.5 – 8.5		≥ 6					
<i>QCVN 08:2023 - B</i>				6 – 8.5		≥ 5					
<i>QCVN 08:2023 - C</i>				6 – 8.5		≥ 4					
<i>QCVN 08:2023 - D</i>				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Công Liên Mạc	Đánh giá chất lượng nước vị trí đầu nguồn hệ thống sông Nhuệ.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 99%, gió Đông 9 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy. Công Liên Mạc 1 và 2 mở 1 cánh. Mực nước thấp. Nước màu xanh đen.	7.29	27.4	0.73	0.5	16.9	1.88	623	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
2	Cầu Diễn	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của Sông Đăm, kênh Xuân La vào.	Trời lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 100%, gió ĐDB 6 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.16	25.2	0.49	0.6	30.7	4.15	726	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
3	Đập Hà	Đánh giá chất lượng nước vị	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 75%, mật	7.02	30.7	0.26	0.6	45.9	6.7	891	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Đông	trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của sông Đăm, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông Cầu Ngà, kênh Trung Văn, kênh La Khê vào.	độ mây 100%, gió Đông 6 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, đập mở, mực nước thấp. Nước màu đen, mùi hôi thối.								Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
4	Cầu Tó	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước thải từ kênh Yên Xá, sông Tô Lịch qua đập Thanh	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 100%, gió Đông 8 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.07	26.1	0.59	0.6	48.7	10.5	802	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Liệt.									
5	Cầu Xém	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đổ về tới cầu Xém.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 100%, gió Đông 8 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước thấp. Hai bên sông nhiều rác thải. Nước màu đen.	7.36	20.3	0.7	0.6	34.2	11.6	726	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận nước từ nhánh sông Tô Lịch tại Khánh Hà, Thường Tín	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 100%, gió Đông 7 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Đập mở thông, mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.12	21.6	0.8	0.6	30.5	9.7	702	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		và kênh Vân Đình vào.									
7	Cầu Thần	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ. Vị trí này trước điểm chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.	Trời lạnh, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 73%, mật độ mây 100%, gió Đông 8 km/h. Dòng chảy rất chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.2	31.9	0.76	0.6	34.9	13.5	807	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
8	Đập Nhật Tựu	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí lấy mẫu ở thượng lưu đập.	Trời lạnh, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 73%, mật độ mây 100%, gió Đông 8 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Đập mở. Mực nước trung bình. Thượng lưu đập dồn ứ	7.35	30.5	0.4	0.6	29.5	8.6	829	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			nhiều bèo. Cánh cống đang sửa chữa. Nước màu đen, mùi hôi thối.								
9	Cống Lương Cỏ	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí cống.	Trời lạnh, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 73%, mật độ mây 100%, gió Đông 8 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, cống mở, mực nước trung bình. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.16	27.2	0.59	0.6	20.9	12.7	720	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
10	Phù Lý – cầu Phù Vân	Đánh giá chất lượng nước tại điểm cuối trên dòng chính sông Nhuệ trước khi sông Nhuệ nhập lưu vào sông Đáy.	Trời lạnh, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 73%, mật độ mây 100%, gió Đông 8 km/h. Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Đáy, mực nước trung bình. Nước đang pha loãng nước đen từ thượng	7.29	40.7	2.79	0.5	17.2	6.1	610	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			lưu về. Nước màu xanh đen.								
11	Sông Đăm	Đánh giá chất lượng nước trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 99%, gió Đông 9 km/h. Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Nhuệ. Mực nước trung bình. Nước màu nâu.	7.15	20.6	2.91	0.4	26.9	10.7	507	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
12	Sông Cầu Ngà	Đánh giá chất lượng nước sông Cầu Ngà, nhánh nhập lưu sông Nhuệ.	Trời lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 100%, gió ĐDB 6 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp. Nước màu đen.	7.26	23.5	0.7	0.6	35.7	12.9	802	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
13	Đập Thanh Liệt	Đánh giá chất lượng nước sông Tô Lịch	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 100%, gió	7.05	26.1	0.37	0.6	40.7	8.7	809	Chỉ tiêu quan trắc

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		trước khi đổ vào sông Nhuệ.	Đông 8 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, đập mở, mực nước trung bình. Nước màu đen.								hiện trường DO không đạt mức B
14	Kênh Xuân La	Đánh giá chất lượng nước kênh Xuân La trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 99%, gió Đông 9 km/h. Dòng chảy nhanh, xáo trộn rối ở hạ lưu. Mực nước trung bình, cống mở tiêu nước ra sông Nhuệ. Nước màu vàng xanh, mùi hôi thối.	7.01	32.7	0.39	0.6	38.5	4.9	791	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
15	Kênh Phú Đô	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 100%, gió ĐDB 6 km/h. Dòng chảy chậm ra	7.36	37.6	0.47	0.6	53.9	7.5	816	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		làng bún Phú Đô và khu vực Mỹ Đình.	nhập lưu sông Nhuệ, cống mở, mực nước trung bình. Nước màu xám đen.								đạt mức B
16	Kênh tiêu Trung Văn	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu vực Trung Văn, Mỹ Đình.	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 100%, gió ĐDB 6 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cống mở hé, mực nước thấp. Nước màu đen xám, đục.	7.3	42.9	0.59	0.6	50.5	6.1	891	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
17	Cầu Am	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, không chế nước thải các khu đô thị	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 100%, gió Đông 6 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp. Trên kênh có	7.05	24.2	0.47	0.6	57.6	7.2	890	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		đọc tuyến đường Lê Văn Lương và các khu dân cư quanh khu vực đổ vào.	nhiều rác thải. Nước màu đen.								
18	Kênh La Khê	Đánh giá chất lượng nước kênh La Khê trước cống tiêu ra sông Đáy, vị trí tại cuối nguồn.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 100%, gió Đông 8 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp. Hai bên sông có nhiều rác thải. Nước màu đen.	7.02	14.7	0.31	0.6	35.7	3.5	917	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, nối sông Nhuệ và	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 100%, gió Đông 7 km/h. Dòng chảy chậm về hướng sông Đáy, mực	7.39	26.5	4.76	0.3	10.2	8.9	507	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		sông Đáy.	nước thấp. Hai bên kênh nhiều rác thải. Nước màu xanh lục.								
20	Kênh Duy Tiên	Đánh giá chất lượng nước kênh Duy Tiên, kênh này lấy nước từ sông Nhuệ để tưới cho khu vực các huyện Lý Nhân, Duy Tiên.	Trời lạnh, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 73%, mật độ mây 100%, gió Đông 8 km/h. Dòng chảy rất chậm từ sông Nhuệ vào. Mực nước thấp. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.29	42.7	0.68	0.6	30.6	10.5	791	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
21	Kênh Yên Xá	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ. Vị trí lấy mẫu tại hạ lưu kênh, trước khi đổ ra sông	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 100%, gió Đông 6 km/h. Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Nhuệ. Cống mở tiêu nước ra sông Nhuệ, mực nước	7.42	42.9	0.76	0.6	42.7	13.5	907	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Nhuệ.	thấp. Nước màu xám đen.								
22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà, Thường Tín	Đánh giá chất lượng nước nhánh của sông Tô Lịch thuộc địa phận xã Khánh Hà huyện Thường Tín đổ vào sông Nhuệ.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 100%, gió Đông 8 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình. Dưới chân cầu có nhiều rác. Nước màu nâu đục.	7.07	31.6	5.96	0.3	1.6	7.9	472	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt mức B
23	Kênh Hòa Bình	Đánh giá chất lượng nước kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 100%, gió Đông 8 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	7.46	36.2	5.69	0.4	0.78	1.24	595	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường đạt mức B

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2023

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI